

Bản án số: **50/2019/DS-ST**

Ngày: 03/9/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản và hợp đồng mua bán”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Trần Thị Lê

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Danh Tường Vi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06/12/2018 và ngày 03/9/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017, về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXX-ST ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đào Dũ P, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 116A đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Thái Thị Anh T (Y), sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 260/2 đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Tô Thanh B (chồng bà T) (vắng mặt);

Địa chỉ: Số nhà 260/2 đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3.2 Bà Đào Khoa M (vợ ông P), sinh năm 1993 (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà 116A đường Q, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Đào Dũ P trình bày: Do có quan hệ quen biết từ trước nên ông có cho vợ chồng ông B, bà T vay tiền nhiều lần, cụ thể: Năm 2014 ông B hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 27/8/2015 bà T hỏi vay số tiền 6.000.000 đồng; Ngày 10/9/2015 bà T hỏi vay số tiền 1.000.000 đồng; Ngày 14/9/2015 bà T hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 19/9/2015 bà T hỏi vay số tiền 3.000.000 đồng; Ngày 21/9/2015 bà T hỏi vay số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 23/9/2015 bà T hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 24/9/2015 bà T hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 29/9/2015 bà T hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 01/10/2015 bà T hỏi vay số tiền

2.000.000 đồng; Ngày 03/10/2015 bà T hỏi vay số tiền 2.000.000 đồng; Ngày 04/10/2015 bà T hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 06/10/2015 bà T hỏi vay số tiền 1.000.000 đồng; Ngày 31/10/2015 bà T hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng; Ngày 5/11/2015 bà T hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng; tổng cộng bà T, ông B vay của ông số tiền là 75.000.000 đồng. Ngoài ra, vào tháng 9/2015 bà T còn mua thiếu bánh trung thu của ông số tiền 950.000 đồng, tổng cộng hai khoản là 75.950.000 đồng.

Do tin tưởng nên các lần vay tiền và bán bánh trung thu cho bà T, ông B; ông P đều không có làm biên nhận, khi vay có thoả thuận lãi suất là 5%, trả lãi hàng ngày nhưng không thoả thuận thời hạn trả nợ. Ông P xác nhận khi cho bà T vay tiền ông có ghi vào sổ của ông để nhớ và theo dõi lấy lãi hàng ngày, chỗ nào có chữ “R” là đã đóng lãi rồi và tờ giấy ông ghi tiền chị T (Yến) và anh B là do ông ghi lại để làm đơn yêu cầu Công an giải quyết và tại giấy ông P ghi bà T (Yến) mượn tiền cũng do ông tự ghi để theo dõi, phía bà T, ông B không biết. Từ tháng 10/2015 đến nay ông đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T, ông B trả nợ và ông B có trả cho ông được 01 lần số tiền gốc 2.000.000 đồng. Còn tiền lãi bà T trả cho ông không đầy đủ và từ ngày 31/10/2015 đến nay bà T không trả lãi cho ông P nữa. Mặc dù đòi rất nhiều lần nhưng ông B, bà T không trả nên ông đã làm đơn yêu cầu cơ quan điều tra Công an thành phố Rạch Giá giải quyết đối với bà T; Công an có mời ông và bà T lên làm việc riêng từng người, không có mời ông và bà T đến giải quyết và có nói cho ông biết là bà T chỉ thừa nhận nợ một phần. Do Công an thành phố Rạch Giá trả lại đơn không giải quyết, nên ông mới khởi kiện ra Tòa án.

Ông P xác định trong số nợ trên có số nợ bà T vay ngày 5/11/2015 5.000.000 đồng là do bà T điện thoại trước và kêu con tên T1 đến lấy tiền nhưng ông không biết họ tên cụ thể. Đối với số tiền ông B vay 10.000.000 đồng là vay vào năm 2014 không có làm biên nhận, sau đó ông B trả được 2.000.000 đồng, hiện còn nợ 8.000.000 đồng. Ông P không có làm đơn yêu cầu Công an thành phố Rạch Giá giải quyết đối với số tiền mà ông B nợ của ông.

Do bà T tại Công an điều tra thành phố Rạch Giá chỉ thừa nhận nợ ông số tiền 35.000.000 đồng. Nên ông P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà T, ông B trả số tiền 38.950.000 đồng.

Nay ông P yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B cùng chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền vay 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

* Bị đơn bà Thái Thị Anh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh B không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đào Khoa M trình bày: Số tiền chồng bà cho bà T vay là tiền của vợ chồng; bà T, ông B hiện nay còn nợ vợ chồng bà số tiền là 73.950.000 đồng và khi bà T vay tiền bà có biết, bà là người ghi sổ sách để theo dõi. Nay bà M yêu cầu bà T trả nợ cho chồng bà là ông P, đồng ý theo yêu cầu của ông P và không có ý kiến gì khác.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý đến ngày đưa quyết định ra xét xử đã vi phạm điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc ông Tô Thanh B, bà Thái Thị Anh T trả cho ông Đào Dũ P số tiền vay 35.000.000 đồng và áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu đối với số tiền 38.950.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Thái Thị Anh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn ông Tô Thanh B, bà Thái Thị Anh T vẫn không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án nhận thấy do vụ án tranh chấp cần có thời gian điều tra, xác minh nên kéo dài thời gian, vi phạm thời hạn xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Xét thấy giao dịch vay tiền giữa ông P và bà T, thì ông B không có trực tiếp cùng bà T vay tiền của ông P do đó theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì ông Tô Thanh B tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ông Đào Dũ P với bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B phát sinh giao dịch dân sự vay tài sản và mua bán từ năm 2014 đến tháng 10/2015, như vậy giao dịch dân sự đã được hai bên giao kết thực hiện trước ngày 01/01/2017. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các Điều luật của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Xét nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông Đào Dũ P khởi kiện xác định từ năm 2014 đến tháng 10/2015 ông Tô Thanh B, bà Thái Thị Anh T đã vay của ông tổng

cộng 15 lần với số tiền là 75.950.000 đồng, khi vay hai bên không có thoả thuận lãi suất và thời hạn trả nợ. Ngoài ra tháng 9/2015 bà T còn thiếu tiền mua bánh trung thu của ông P 950.000 đồng, đến tháng 10/2015 ông B đã trả được 2.000.000 đồng tiền gốc, hiện bà T, ông B còn nợ ông P số tiền 73.950.000 đồng. Xét thấy khi vay tiền hai bên không có làm biên nhận, chỉ thoả thuận miệng với nhau và cũng không có ai chứng kiến. Tại giấy ghi tiền chi T (Yến) và anh B mượn mà ông P cung cấp cho Toà án, ông P xác định là do ông tự ghi lại để làm đơn yêu cầu Công an thành phố Rạch Giá giải quyết và tại giấy ông P ghi bà T (Yến) mượn tiền là do ông ghi lại để theo dõi; phía bà T, ông B không biết. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai của bà Thái Thị Anh T ngày 02/5/2016 và ngày 29/6/2016 của Đội điều tra tổng hợp - Công an thành phố Rạch Giá, thì bà T xác định có vay nhiều lần của P với số tiền là 35.000.000 đồng; gồm các ngày 27/8/2015 số tiền 6.000.000 đồng, ngày 10/9/2015 số tiền 1.000.000 đồng, ngày 19/9/2015 số tiền 3.000.000 đồng, ngày 21/9/2015 số tiền 10.000.000 đồng, ngày 23/9/2015 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 24/9/2015 số tiền 5.000.000 đồng, ngày 01/10/2015 số tiền 2.000.000 đồng, ngày 03/10/2015 số tiền 2.000.000 đồng, ngày 06/10/2015 số tiền 1.000.000 đồng, bà T không thừa nhận còn thiếu tiền mua bánh trung thu của ông P. Ngoài ra ông P cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh các ngày khác mà bà T, ông B đã vay tiền của ông. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà ông P xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện; ông P không yêu cầu bà T, ông B trả số tiền 38.950.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông P, là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Dũ P về việc yêu cầu bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B trả số tiền nợ 38.950.000 đồng.

[5] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Theo quy định tại Điều 27 và Điều 30 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng có trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Bà T cho rằng vay tiền của ông P là để cho người khác vay lại với lãi suất cao hơn, như vậy việc bà T vay tiền của ông P nhằm mục đích làm ăn để sinh lời phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình và được phát sinh trong quá trình hôn nhân. Từ đó, Hội đồng xét xử thống nhất buộc bà T và ông B cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho ông P.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đào Dũ P đối với bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B. Buộc bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đào Dũ P số tiền vay gốc là 35.000.000 đồng.

[6] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Buộc ông Tô Thanh B, bà Thái Thị Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $35.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.750.000 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đào Dũ P số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.850.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007278 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Dũ P về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự” đối với bị đơn bà Thái Thị Anh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh B.

- Buộc bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đào Dũ P số tiền vay gốc 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Dũ P đối với số tiền 38.950.000 đồng.

- Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Thái Thị Anh T, ông Tô Thanh B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn ông Đào Dũ P số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.850.000 đồng (*Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007278 ngày 04/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

*** Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THẠCH SÔ PHÉP